TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
Về việc tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Dương.

2. Bà Bùi Ngọc Dung.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Nguyễn Ân Tình là thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1988 (có mặt); Cư trú: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982 (vắng mặt); Cư trú: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05 tháng 6 năm 2017 chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Chị N xác định vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T thường xuyên chơi bời cùng bạn bè, không quan tâm chăm sóc đến đời sống gia đình. Chị N đã nhiều lần tha thứ cho anh T nhưng anh không sữa đổi . Nay mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 người con chung tên: Nguyễn K, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2009. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị N và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Thanh T Tòa án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn bảo lưu quan điểm là: yêu cầu xin được ly hôn với anh T, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ thu, nợ trả vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh T vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh T tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Cà Mau. Vì vậy hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị N cho rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do đó chị N yêu cầu xin được ly hôn với anh T. Xét thấy, hiện nay chị N và anh T không còn sống chung với nhau, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình. Mặc dù Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo và quyết định của Tòa án cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có ý kiến phản hồi. Do đó hôn nhân giữa chị N và anh T mâu thuẫn là thực tế có xảy ra. Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn cương quyết yêu cầu xin ly hôn với anh T. Đối với anh T vắng mặt và cũng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu kéo dài tình cảm giữa chị N và anh T thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn K sinh ngày 26/3/2009. Xét thấy, cháu K hiện nay đã hơn 07 tuổi và cháu K có nguyện vọng theo chị N và chị N đồng ý nuôi dưỡng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu K cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về phần tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị N và anh T tự thỏa không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải nộp là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của chị N được chuyển thu.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thanh T tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Giao con tên Nguyễn K, sinh ngày 26 tháng 03 năm 2009 cho Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con theo quy định của pháp luật nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con để cản trở việc nuôi con của chị Nguyễn Thị N.

- Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thanh T tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của chị Nguyễn Thị N là: 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013657 ngày 05 tháng 6 năm 2017 được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKS nhân dân huyện H;
- Chi cục THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Minh Khánh